

Bản án số: 12/2024/DS-PT

Ngày: 01-02- 2024

“V/v Tranh chấp đòi lại đất”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Từ Thị Hải Dương

**Các Thẩm phán:** Bà Hoàng Thị Thanh Nhân; Ông Nguyễn Văn Nghĩa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Minh Quân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:** Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2023/TLPT- DS ngày 14/11/2023 về việc “Tranh chấp đòi lại đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS – ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4782/2023/QĐ-PT ngày 17/11/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1933. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- **Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:** Chị Trần Thị X, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

+ Ông Lê X C, sinh năm 1991; địa chỉ: 81 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Ông Trần Khánh L; địa chỉ: 145 đường Y, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Quang L, sinh năm 1956 và bà Lê Thị L1, sinh năm 1960; cùng địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

+ Anh Trần Hữu H, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 91, ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

+ Anh Trần Hữu H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 91, ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

+ Anh Trần Hữu S, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 50, ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Đội 3, thôn A, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

+ Chị Trần Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn- bà Nguyễn Thị S.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:*

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Năm 2006, bà S có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần O (là chồng bà S), ông O mất năm 2004. Ngày 22/4/2008 Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy ra Quyết định số 06/2008/QĐST-DS về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với nội dung: 270m<sup>2</sup> đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần O và bà Nguyễn Thị S thuộc quyền sử dụng của bà S; Ông L cho bà S tất cả vật liệu ông đưa vào để cùng với ông O và bà S xây dựng nhà từ trước đến nay. Bà S trở về chung sống với ông L trong nhà của bà”. Sau khi Quyết định nói trên có hiệu lực pháp luật, do có mối quan hệ giữa bà S và vợ chồng ông L, bà L1 vẫn còn nhiều mâu thuẫn, lo ngại việc bị bạo hành nên bà S buộc phải về ở chung với vợ chồng chị X (con gái bà S) tại thôn Tuy Lộc, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy. Đồng thời bà S đã thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 06/2008/QĐST-DS ngày 22/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy. Ngày 05/10/2009, bà Nguyễn Thị S được Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 447886 đối với thửa đất số 577, tờ bản đồ số 10 với diện tích 270m<sup>2</sup> tại địa chỉ thôn An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên khoảng giữa năm 2010, ông Trần Quang L và bà Lê Thị L1 đã tiến hành xây dựng ngôi nhà 02 tầng, diện tích khoảng 50m<sup>2</sup> trên đất của bà S. Ngày 07/6/2010, bà S đã có đơn trình báo tới UBND xã Lộc Thủy. UBND xã Lộc Thủy đã lập biên bản đình chỉ xây dựng công trình. Ngày 10/6/2010, tại biên bản làm việc về việc giải quyết tranh chấp đất đai, Chủ tịch UBND xã Lộc Thủy đã kết luận yêu cầu ông L ngừng xây dựng để hòa giải, bàn bạc cùng bà S. Sau đó lợi dụng sự lơ là của chính quyền, ông L đã tiếp tục hành vi xây dựng trái phép.

Ngày 06/3/2017, ông Trần Quang L và ông Trần Hữu L2 khởi kiện đối với UBND huyện Lệ Thủy yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với thửa đất số BT 324224 ngày 28/01/2015 của UBND huyện Lệ Thủy đã cấp cho bà S do sai sót về mặt thủ tục cấp đổi. Tại bản án phúc thẩm số 53/2018/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 447886 ngày 05/10/2009 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 324224 ngày 28/01/2015 của UBND Lệ Thủy đã cấp cho bà Nguyễn Thị S tại thửa đất số 577, tờ bản đồ số 10 diện tích 270m<sup>2</sup> thuộc thôn An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay, bà Nguyễn Thị S đang thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo nội dung tại Quyết định số

06/2008/QĐST-DS về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy nhưng vì lý do thừa đất hiện nay do ông L và bà L1 đang sử dụng và xây dựng trái phép trên đất nên UBND huyện Lệ Thủy và các cơ quan chuyên yêu cầu giải quyết dứt điểm tranh chấp trước khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai.

Vì vậy căn cứ Quyết định số 06/2008/QĐST-DS về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, căn cứ quy định tại khoản 2, 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166 Bộ luật Dân sự, Điều 166 luật Đất đai và đặc biệt là án lệ số 50/2021 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 25/11/2021 được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31/2/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, bà S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy giải quyết buộc ông Trần Quang L và bà Lê Thị L1 phải trả lại tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 577, tờ bản đồ số 10 diện tích 270m<sup>2</sup> tại thôn An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mà ông L và bà L1 đang sử dụng trái pháp luật; buộc ông L và bà L1 phải phá dỡ công trình xây dựng trái phép (ngôi nhà 2 tầng) di dời các tài sản khác (nếu có) trên thửa đất hoặc bà S đồng ý trả giá trị còn lại của công trình xây dựng trái phép theo kết quả định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bà S được L1 hệ cơ quan có thẩm quyền để xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có) sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải đồng bị đơn ông Trần Quang L, bà Lê Thị L1 trình bày:* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn với lý do:

Xét về nguồn gốc thửa đất và ngôi nhà cấp 4, ông Trần O (bố đẻ của L) nhận thừa kế của ông Trần Di (ông nội của ông L). Ông Trần O xây dựng gia đình với bà Bùi Thị Làn, sinh được 2 người con là Trần Hữu L2 và Trần Quang L. Sau khi mẹ ông L mất, ông O xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị Lý nhưng không có con chung. Sau khi bà Lý chết, năm 1976 ông O xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị S, lúc này bà S đã có một người con riêng là bà Trần Thị X.

Năm 1991, ông Trần O được UBND huyện Lệ Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03190 tờ bản đồ số 5, thửa đất số 90, cấp ngày 6/7/1991 mang tên ông Trần O. Năm 1993, ông Trần O tổ chức họp gia đình gồm: Ông Trần O và bà Nguyễn Thị S, Trần Quang L, Trần Hữu L2, Lê Thị L1 và bà con nội, ngoại, giao vợ chồng ông L quản lý, sử dụng thửa đất nói trên và chịu trách nhiệm nâng cấp nhà cấp 4, sau này làm nhà từ đường thờ phụng ông bà. Vợ chồng ông L về ở trong ngôi nhà và bỏ kinh phí ra để nâng cấp nhà cửa như hiện nay và đã làm nhà thờ thờ phụng ông bà nội, ba mẹ ông L và ông Trần Hữu Toại (liệt sỹ) không vợ con. Năm 2004 ông Trần O chết, trước khi chết ông O có căn dặn anh em ông L phải nuôi mẹ kế (bà Nguyễn Thị S) đến trăm tuổi và anh em phải đoàn kết để lo việc họ hàng gia tộc.

Tuy nhiên, bà S và con riêng là Trần Thị X đã làm ngược lại, đã làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy để yêu cầu chia di sản thừa kế vào năm 2006. Tuân theo lời của ông O, nên ông L2, ông L đã thỏa thuận với nhau tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 06/2008 ngày 22/4/2008 là Bà S về ở với vợ chồng ông L trong nhà của bà S. Thực tế bà S không về ở với vợ chồng ông L

mà bỏ nhà ra đi từ lúc ông Trần O mất (2004) cho đến nay. Như vậy là bà S đã từ bỏ nghĩa vụ của bà S đối với ông O. Bà S còn tự ý cùng với con riêng (bà X) làm đơn gửi đến UBND xã Lộc Thủy để làm thủ tục chuyển thế đồ mang tên bà Nguyễn Thị S tại thửa đất số 577, tờ bản đồ số 10, diện tích 270m<sup>2</sup> vì bà S cho rằng đó là đất của bà. Tại bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Bản án phúc thẩm của Tòa án Cấp Cao tại Đà Nẵng đã quyết định: “*Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AP4447886 ngày 05/11/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BT ngày 28/01/2015 của UBND huyện Lệ Thủy cấp cho bà Nguyễn Thị S thửa đất số 577 tờ bản đồ số 10, diện tích 270m<sup>2</sup> tại thôn An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình*”. Năm 2004 ông O mất, vợ chồng ông L ở với bà S gần 11 năm không có vấn đề gì, đến năm 2006 bà S bỏ nhà đi sau đó khởi kiện ông L ông L2.

Nếu như bà S đồng ý, vợ chồng ông L đưa bà S về ở với vợ chồng ông L để vợ chồng ông L phụng dưỡng bà S tuổi về già và sẽ lo hậu sự cho bà S sau này.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ L1 quan bà Trương Thị Đ và anh Trần Hữu H, anh Trần Hữu H, anh Trần Hữu S, chị Trần Thị H, chị Trần Thị H (là con của bà Trương Thị Đ và ông Trần Hữu L2) trình bày:*

Việc bà Nguyễn Thị S là mẹ kế của ông L, ông L2 khởi kiện để đòi lại 270m<sup>2</sup> đất của gia đình ông O bà không nhất trí bởi vì: Nguồn gốc đất hiện tại ông L, bà L1 đang quản lý sử dụng là của bố ông L (ông Trần O) để lại là đất thờ cúng của gia đình ông L, trong nhà hiện đang thờ ông Trần Toại là liệt sĩ và bố mẹ ông bà ông L. Đề nghị bà S thực hiện theo Quyết định 06/2008/QĐST-DS ngày 22/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy là bà S về ở với vợ chồng ông L, để vợ chồng ông L phụng dưỡng bà S tuổi già và sẽ lo hậu sự cho bà S sau này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã Quyết định: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; các Điều 35, 39, 147, 157, 165, khoản 1 Điều 277, Điều 217, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; căn cứ các Điều 158, 159 của Bộ luật dân sự; Căn cứ các Điều 3, 166, 170, 202, 203 của Luật đất đai năm 2013; căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với ông Trần Quang L về việc “Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 25/9/2023, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu tòa phúc thẩm xem xét và tuyên sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo hướng chấp thuận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 16/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm với nội dung: Kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lệ

Thủy theo hướng sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, buộc ông Trần Quang L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị S tài sản ½ thửa đất là phần đất thuộc quyền sở hữu của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét vì có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ. Việc xem xét thẩm định, định giá tài sản chưa được tiến hành vì phía bị đơn cản trở. Nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất đã được xác định bằng quyết định có hiệu lực của Tòa án theo án lệ số 50/2021/AL nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp quyền sở hữu tài sản và các quyền khác về tài sản là không đúng. Án sơ thẩm không nhận định về Quyết định số 06/2008 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy là căn cứ để nguyên đơn khởi kiện đòi lại đất, không áp dụng Án lệ số 50/2021/AL để giải quyết vụ án mặc dù phía nguyên đơn đã có yêu cầu, từ đó nhận định sai lệch về quan hệ tranh chấp dẫn đến nhận định sai lệch các chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp và dẫn đến giải quyết không đúng vụ án. Hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S tại thửa đất 577, tờ bản đồ số 10 đã bị Tòa án cấp cao hủy do có sai sót trong trình tự thủ tục cấp đất, Tòa cấp cao không nhận định về căn cứ cấp giấy chứng nhận là Quyết định số 06/2008/QĐST-DS ngày 22/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy và cho đến nay thì Quyết định đó vẫn có hiệu lực pháp luật thi hành. Vì vậy, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng bị đơn phải trả lại đất chiếm dụng. Nếu trường hợp không trả đất thì đề nghị trả giá trị bằng tiền đã được thẩm định giá theo giá thị trường là 614.980.000 đồng. Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm vì thửa đất tranh chấp mà bà S đang đòi lại có nguồn gốc của ông O được thừa kế từ bố mẹ ông O (ông bà nội của ông L, ông L2). Khi còn sống, ông O đã giao cho ông L quản lý đất đai và xây dựng nơi thờ tự ông bà tổ tiên. Hiện tại đang thờ tự ông Toại liệt sỹ và bố mẹ, ông bà ông L. Bà S đã tự ý đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà S và giấy chứng nhận đó đã bị Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng hủy. Về nội dung quyết định công nhận sự thỏa thuận nêu không rõ thửa đất nào. Và thửa 577, tờ bản đồ số 10 thôn An Xá trước đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận mang tên ông O, bà S mà chỉ có mang tên ông Trần O nên quyết định công nhận sự thỏa thuận không có giá trị. Ông L thừa nhận ông là người đã cùng ông L2, bà S thỏa thuận nội dung thừa kế như trong quyết định số 06/2008/QĐST-DS ngày 22/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy. Và thửa đất đề cập đến trong quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự nói trên chính là thửa đất 577, tờ bản đồ số 10 tại thôn An Xá, xã Lộc Thủy và ngoài thửa đất này ra thì ông O không có thửa đất nào khác. Quá trình Tòa cấp sơ thẩm tiến hành thẩm định, định giá tài sản tranh chấp, ông L đã khóa cổng không cho Hội đồng làm việc vì theo ông, nhà đất là của bố ông ở lại, không ai có quyền định giá. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của phía bà S, đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện đòi lại đất bị phía bị đơn chiếm giữ, sử dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp quyền sở hữu tài sản và các quyền khác đối với tài sản là không đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S về việc buộc ông Trần Quang L và bà Lê Thị L1 phải trả lại thửa đất số 577, tờ bản đồ số 10 tại thôn An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy theo quyết định của đã có hiệu lực của Tòa án mà cụ thể là quyết định số 06/2008/QĐST-DS ngày 22/04/2008 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bà Nguyễn Thị S được sử dụng 270 m<sup>2</sup> đất tại thôn An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, buộc ông L và bà L1 phải tháo dỡ những công trình trái phép ở trên đất, Hội đồng xét xử thấy: Theo các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án thì thửa đất tranh chấp có nguồn gốc ông Trần O sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991. Ông Trần O và bà Nguyễn Thị S xây dựng gia đình từ năm 1976, không có con chung, ông O có hai người con riêng với vợ trước là ông L và ông L2, bà S có con riêng là Trần Thị X. Năm 2004, ông O chết năm 2004 và năm 2008 bà S khởi kiện chia thừa kế nhà và thửa đất 577, tờ bản đồ số 10 thôn An Xá, xã Lộc Thủy. Và việc tranh chấp đã được Tòa án công nhận bằng quyết định đã có hiệu lực như phía nguyên đơn trình bày. Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, vì lý do không thể chung sống với ông L, bà L1 tại thửa đất nói trên nên bà S về ở với bà X con riêng của bà S. Và tính đến thời điểm khởi kiện thì đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành bản án quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Các giấy chứng nhận cấp cho bà S đã bị Tòa cấp cao tại Đà Nẵng hủy do cấp không đúng trình tự thủ tục. Tại vụ án Hành chính ông L khởi kiện yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà S, UBND huyện Lệ Thủy đã có ý kiến Quyết định số 06/2008/QĐST – DS ngày 22/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy là căn cứ để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S. Theo tinh thần của án lệ số 50/2021/AL của Tòa án nhân dân tối cao thì trong trường hợp này, tài sản được tòa giải quyết bị người khác chiếm giữ thì có quyền khởi kiện để đòi lại tài sản mà không phải khởi kiện để chia lại phần tài sản có tranh chấp, vì vậy việc khởi kiện của bà S đòi lại tài sản là có căn cứ. Theo các chứng cứ và lời trình bày ông L tại phiên tòa phúc thẩm thì di sản thừa kế của ông O ngoài thửa đất ông L, bà L1 đang sử dụng và có tranh chấp với bà S thì ông O không có thửa đất nào khác. Vì vậy, mặc dù ông L nói rằng 270 m<sup>2</sup> đất đề cập trong quyết định 06/2008/QĐST-ST (gọi tắt là Quyết định 06) là không rõ ràng, không có giấy chứng nhận nào mang tên ông O, bà S nhưng qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ để khẳng định rằng, thửa đất đã thỏa thuận trong quyết định số 06 chính là thửa đất ông L, bà L1 đang sử

dụng và chính là thửa 577, tờ bản đồ số 10, thôn An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Quá trình điều tra, cấp sơ thẩm đã không làm rõ quá trình sử dụng đất, ông L, bà L1 đã nộp thuế sử dụng đất là bao nhiêu, chi phí quản lý, trông coi đất đai tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Mặt khác, phía nguyên đơn trình chứng thư thẩm định giá thửa đất tranh chấp theo giá thị trường nhưng bị đơn chưa được thông báo kết quả thẩm định giá này. Việc thẩm định ở cấp sơ thẩm chưa thực hiện mặc dù có khả năng để thực hiện, mô tả sơ bộ các tài sản trên đất có tranh chấp. Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp không đúng dẫn đến áp dụng pháp luật và quá trình thu thập chứng cứ, chứng minh không đúng pháp luật. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện lệ thủy giải quyết lại.

[3]. Về án phí: các đương sự chưa phải chịu án phí sơ thẩm. Nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 38, Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, xử: Hủy bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy để giải quyết lại vụ án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí phúc thẩm. Các đương sự chưa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Từ Thị Hải Dương**